

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 15/2026/DS-PT
Ngày 21 - 01 - 2026
V/v: Tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Hiền.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tuấn Minh, bà Điều Thị Kim Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Phạm Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2025/TLPT- DS ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp thừa kế tài sản. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2025/DS - ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 1 – Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2025/QXXPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim D. Nơi cư trú: Số nhà A, đường Đ, tổ I, phường T, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Như H. Nơi cư trú: Số nhà A, đường Đ, tổ I, phường T, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Như D1. Nơi cư trú: Số nhà A, đường Đ, tổ I, phường T, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

+ Bà Hoàng Thị H1. Nơi ĐKKHKT: Số nhà A, đường Đ, tổ I, phường T, tỉnh Sơn La. Tạm trú: Ngõ B, bản L, phường T, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D trình bày:

Gia đình bà cư trú tại tổ A, phường C, thị xã S, tỉnh Sơn La nay là số A, đường Đ, tổ I, phường T, tỉnh Sơn La. Gia đình gồm 5 người: Bố mẹ đẻ của bà là ông Nguyễn Như H2, bà Chu Thị N (đều sinh năm 1927, ông H2 chết ngày

12/9/2008, bà N chết ngày 27/7/1998); hai anh trai Nguyễn Như H, Nguyễn Như D1 (đều sinh năm 1962); bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1966.

Trước khi chết, ông H2 bà N không để lại di chúc. Bố mẹ đẻ của ông H2, bà N đều đã chết trước đó. Diện tích đất ở 250m² đã được cấp GCNQSDĐ mang tên ông H2 và diện tích đất trồng cây lâu năm do anh trai Nguyễn Như H quản lý. Bà D đã nhiều lần yêu cầu làm thủ tục tách cho bà hưởng một phần đất bố mẹ để lại nhưng ông H không đồng ý.

Do vậy, bà D khởi kiện yêu cầu Toà án chia thừa kế của ông Nguyễn Như H2, bà Chu Thị N cho bà D được hưởng thừa kế quyền sử dụng diện tích đất ở 64,5m² đất đã được cấp GCNQSDĐ và 114,5m² đất trồng cây lâu năm liền kề chưa được cấp GCNQSDĐ nhưng đã sử dụng ổn định và không có tranh chấp từ năm 1974 – 1975.

Tại đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 14/8/2025, bà D bổ sung yêu cầu khởi kiện theo kết quả đo đạc ngày 06/8/2025, yêu cầu chia cho bà được hưởng thừa kế quyền sử dụng diện tích đất ở 74,6m² đất đã được cấp GCNQSDĐ và 368,7m² đất trồng cây lâu năm liền kề.

Toàn bộ các tài sản trên các diện tích đất trên là của bà D gồm 01 nhà xây 02 tầng diện tích sàn 60,3m² (tầng 1 xây năm 2000, tầng 2 xây năm 2014 có cầu thang sắt đi lên phía bên ngoài, không làm thủ tục xin giấy phép xây dựng), 01 mái tôn đã cũ diện tích 134,5m²; 01 nhà khung thép diện tích 18,4m² và 01 bờ kè đá dài 2,9m xây giáp tà lỵ (đã bị Ủy ban nhân dân thành phố S năm 2023 xử phạt vi phạm hành chính 02 lần).

Bị đơn ông Nguyễn Như H trình bày:

Về diện tích đất ở, ngày 12/11/1997, ông Nguyễn Như H2 được UBND tỉnh cấp GCNQSDĐ số K162811 diện tích 250m², vị trí lô số 2, đồi cao. Năm 1998, ông H2 đã giao 250m² đất ở cho ông H quản lý, sử dụng làm nhà ở, quán, sân, vườn. Ông H đã san ủi, hạ thấp mặt bằng, xây dựng nhà ở, quán, sân, vườn. Do đó không còn tài sản đất ở để chia theo yêu cầu khởi kiện của bà D. Khi còn sống, ông H2 không làm di chúc. Khi ông H2 mất, anh em ông không mở thừa kế. Do đó, bà D không có quyền thừa kế về đất ở.

Về đất trồng cây lâu năm: Đất trồng cây lâu năm không phải do bố mẹ ông khai phá mà do ông H khai phá, trồng nhãn, xoài, dứa. Do đó, không có đất trồng cây lâu năm để chia theo yêu cầu khởi kiện của bà D. Theo bản đồ địa phương Tô Hiệu của Sở T tỉnh ban hành tháng 12/2019 và danh sách người quản lý, sử dụng đất thì diện tích 250m² đất ở và 1.148m² đất trồng cây lâu năm ở vị trí ông đang quản lý, sinh sống, người quản lý, sử dụng đất là ông H và vợ Hoàng Thị H1; không có tên bà Nguyễn Thị Kim D. Theo khoản 2 Điều 623 Bộ

luật dân sự năm 2015, thời hiệu khởi kiện yêu cầu xác nhận quyền thừa kế của bà D đã hết, quá 5 năm 10 tháng

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Như D1 nhất trí như lời trình bày của bị đơn ông Nguyễn Như H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị H1 không có văn bản ý kiến, trình bày.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2025/DS – ST ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Sơn La đã xét xử và quyết định:

Căn cứ các Điều 635, 636, 637, 677, 678, 679, 688, 738, 739 Bộ luật dân sự năm 1995; các Điều 631, 632, 633, 634, 635, 674, 675, 676, 685, 733, 734 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 3, các Điều 72, 73 Luật Đất đai năm 1993; Điều 70, 91, 147, 157, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim D về chia thừa kế tài sản của ông Nguyễn Như H2, bà Chu Thị N cho bà Nguyễn Thị Kim D.

Bà Nguyễn Thị Kim D được chia thừa kế 74,6m² đất ở (thuộc di sản thừa kế quyền sử dụng 250m² đất ở đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K162811 do Ủy ban nhân dân tỉnh S cấp cho ông Nguyễn Như H2 ngày 12/11/1997).

Phía Bắc giáp đất bà D đang sử dụng, chưa có giấy chứng nhận, kích thước 11,37m.

Phía Nam giáp đất ông H đang sử dụng (thuộc di sản thừa kế quyền sử dụng 250m² đất ở đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số J162811, do Ủy ban nhân dân tỉnh S cấp cho ông Nguyễn Như H2 ngày 12/11/1997), kích thước 11,37m.

Phía Tây giáp đất bà D đang sử dụng, chưa có giấy chứng nhận, kích thước 6,57m.

Phía Đông giáp đất bà D đang sử dụng, chưa có giấy chứng nhận, kích thước 6,55m.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim D đối với yêu cầu chia thừa kế 368,7m² diện tích đất trồng cây lâu năm liền kề. Do diện tích đất liền kề không có đủ cơ sở xác định là di sản của ông Nguyễn Như H2, bà Chu Thị N, thuộc quy hoạch đất trồng cây lâu năm và quy hoạch đất ở đô thị, có tài sản xây dựng trên đất hành lang giao thông và đất ngoài chỉ giới giao thông.

Bà Nguyễn Thị Kim D có quyền, nghĩa vụ đề nghị các cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về đất đai ở địa phương xem xét giải quyết việc đăng ký, cấp giấy chứng nhận đối với các diện tích đất có đủ điều kiện theo quy định

của pháp luật đất đai tại thời điểm đăng ký và phải thực hiện các nghĩa vụ tài chính do các cơ quan này xác định, yêu cầu; để đảm bảo có lối đi vào diện tích 74,6m² đất ở được Tòa án chấp nhận chia thừa kế và đảm bảo việc sử dụng nhà ở, công trình xây dựng trên các diện tích đất liền kề, phù hợp quy hoạch.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/9/2025 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D có đơn kháng cáo không nhất trí với một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến của nguyên đơn: Giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Đề nghị xem xét đối với phần diện tích đất chia thừa kế 368,7m² diện tích đất trồng cây lâu năm liền kề. Không yêu cầu ông H trả phần đất chênh lệch 50,4m².

Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

[1] Bị đơn ông Nguyễn Như H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Như D1, bà Hoàng Thị H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét thấy, trong vụ án chỉ có nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D kháng cáo và nội dung kháng cáo chỉ liên quan đến phần bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích 368,7m² đất trồng cây lâu năm liền kề. Đối với phần bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, chia cho bà D 74,6m² đất ở, không có đương sự nào kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị. Theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét lại phần chia thừa kế đối với phần diện tích đất ở.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn đề nghị xem xét đối với yêu cầu chia thừa kế 368,7m² diện tích đất trồng cây lâu năm liền kề.

Đối với phần diện tích đất trồng cây lâu năm, Toà án cấp sơ thẩm đã thu thập sổ mục kê ruộng đất năm 1993 và tờ bản đồ số F48 – 100 – (20-3) thể hiện: Thửa 302 có diện tích 530m², loại ruộng đất T, không có nội dung nào ghi nhận tên người sử dụng đất. Thửa số 301 có tổng diện tích 6220m² thuộc quy hoạch khu bảo tàng. Thửa số 303 Hg đất chưa sử dụng của Nhà nước.

Diện tích ông N, bà H2 được cấp GCNQSDĐ thuộc thửa 302 đã được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 250m², đối với diện tích 280m² còn lại theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và đối chiếu với tờ bản đồ không xác định được do diện tích đất theo GCNQSDĐ thực tế là 379,8m² đã bao gồm cả diện tích 250m² và một phần diện tích đất thuộc thửa 303. Việc xác định phù hợp với Công văn số 12/UBND ngày 15/01/2025 của Ủy ban nhân dân phường T thể hiện: *“Sau khi UBND phường xác minh và làm việc với một số hộ gia đình giáp ranh, sinh sống lâu năm, nắm được nguồn gốc, quá trình sử dụng đất: Kết quả làm việc đã xác định ông Nguyễn Như H2 và bà Chu Thị N đã đến sinh sống tại thửa đất số 302 tờ bản đồ F48 – 100 – (20 – 3) từ thời điểm năm 1975 và dựng nhà tranh để ở, lúc này thửa đất còn ở tại vị trí tà luy cao so với mặt đường, khi ông H2 bà N còn sống thì ông H và bà D đã cải tạo lại nền để xây dựng nhà ở và sử dụng ổn định đến nay. Như vậy đối với diện tích 280m² đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng do ông H2 bà N quản lý, sử dụng từ năm 1975 đến khi ông H2 bà N chết thì ông H là người tiếp tục quản lý, sử dụng đến nay. Tuy nhiên có sự thay đổi về hình thể, ranh giới sử dụng đất khi UBND phường thực hiện đối chiếu bản đồ năm 1993 với bản đồ đo vẽ năm 2014.”* Như vậy, thời điểm ông H2, bà N còn sống đến thời điểm chết, không có các tài liệu thể hiện ông H2, bà N kê khai đối với diện tích đất trồng cây lâu năm đối với Nhà nước cũng như trên thực tế phần giáp ranh đối với thửa số 302 là thửa số 301 và 303, không có tài sản trên đất đối với diện tích đất này nên cấp sơ thẩm xác định phần diện tích đất này không thuộc di sản là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Đối chiếu theo bản đồ địa chính phường T và sổ mục kê năm 2014, xác định ông H là người kê khai sử dụng diện tích đất trồng cây lâu năm thửa số 4, diện tích 1.0198,4m², trên đất có nhiều tài sản là cây cối của ông H, sử dụng ổn định. Đất thuộc quy hoạch đất trồng cây lâu năm và quy hoạch đất ở đô thị, diện tích đất chưa được cấp GCNQSDĐ. Tại cấp phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Kim D không cung cấp thêm được các tài liệu, chứng cứ khác.

Từ những nhận định phân tích nêu trên, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2025/DS - ST ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Sơn La.

2. Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000254 của Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 21/01/2026).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a, 7^b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Điêu Thị Kim Liên

Lại Thị Hiếu

Phạm Tuấn Minh

Nơi nhận:

- VKS nhân dân tỉnh Sơn La;
- TAND khu vực 1 – Sơn La;
- Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tòng Thị Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Điêu Thị Kim Liên

Lại Thị Hiếu

Phạm Tuấn Minh

